BẢN CÁ NHẬN TỰ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG

**NGHIÊN CỨU VIÊN CAO CẤP**

**Mã số: V.05.01.01**

**Họ tên:** ...................................................................................................................

**Chức vụ/chức danh công tác:** .............................................................................

**Đơn vị:**..................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần 1: Tiêu chuẩn điểm chuẩn** | **Cá nhân tự khai** | **Thẩm định** |
|  | Bằng Tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu |  |  |
|  | - Bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị (hoặc cao cấp lý luận chính trị-hành chính)- Bằng tốt nghiệp Cử nhân chính trị- Giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị |  |  |
|  | - Trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. - Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C cấp trước ngày 16-3-2014- Vận dụng đủ điều kiện ngoại ngữ nếu Bằng Tiến sĩ tốt nghiệp từ tháng 22/6/2009 trở lại đây;- Bằng tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài. |  |  |
|  | - Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=03/2014/TT-BTTTT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin- Chứng chỉ tin học văn phòng cấp trước ngày 28-4-2014. |  |  |
|  | - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)* Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp
* Bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính
* Bằng Cử nhân hành chính trở lên

Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, phải có thêm chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội. |  |  |
|  | Chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên |  |  |
|  | Tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc là (đồng) tác giả hoặc (đồng) chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo. |  |  |
|  | Tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN) hoặc ít nhất 06 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước. |  |  |
|  | Thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 6 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tối thiểu là 2 (hai) năm. (**Tính đến ngày 31/5/2020**) |  |  |
|  | Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 3 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm dự xét tuyển; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian kỷ luật hoặc đang trong thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật. |  |  |
| **STT** | **Phần 2: Tiêu chuẩn điểm cộng** |  |  |
|  | Huân chương Lao động |  |  |
|  | Huy chương (Kỷ niệm chương) vì sự nghiệp khoa học |  |  |
|  | Danh hiệu vinh dự Nhà nước |  |  |
|  | Giải thưởng Hồ Chí Minh |  |  |
|  | Giải thưởng Nhà nước |  |  |
|  | Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ |  |  |
|  | Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh |  |  |
|  | Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh |  |  |
|  | Chiến sĩ thi đua cơ sở |  |  |
|  | Thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính hoặc tương đương từ 10 năm trở lên |  |  |
|  | Viên chức tính đến ngày 31-12 của năm xét thăng hạng có tuổi từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên với nữ |  |  |
|  | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, đoàn thể thuộc lĩnh vực công tác của viên chức. |  |  |

**Người thẩm định, kiểm tra Người khai**

 *(ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên)*

**GHI CHÚ:**

*Cá nhân chỉ điền vào cột* ***Cá nhân tự khai****, cách ghi như sau:*

**- Phần 1:** Mục (1) Ghi rõ chuyên ngành: TS Luật, TS Kinh tế....

 Mục (2) Ghi rõ: Bằng CCLLCT hay CCLLCT-HC, Cử nhân chính trị hay Giấy xác nhận tương đương cao cấp.

 Mục (3), (4), (5) ghi rõ chứng chỉ (bằng) gì: Chứng chỉ bồi dưỡng nghiên cứu viên cao cấp, chứng chỉ QLNN ngạch CVCC hay bằng cử nhân hành chính, Chứng chỉ Anh C, Chứng chỉ Tin học văn phòng...

 Mục (6), (7), (8) ghi rõ số lượng: 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, 01 bài báo khoa học...

 Mục (9) ghi rõ thời gian: 10 năm 2 tháng...

**- Phần 2:** Tiêu chí điểm cộng mục nào cá nhân có thì khai, không có thì không cần kê khai. Ví dụ: điểm cộng cá nhân chỉ có Huân chương Lao động và Chiến sĩ thi đua cơ sở, cách ghi như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần 2: Tiêu chuẩn điểm cộng** |  |  |
| 1 | Huân chương Lao động | Có |  |
| 2 | Chiến sĩ thi đua cơ sở | Có  |  |

**- Phần thẩm định, kiểm tra:** Bỏ trống không ghi.